TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14 – 03 – 2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Kỉnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Kim Thắm
2. Bà Trần Thị Út

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên toà:* Bà Bùi Thị Kim Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 03 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2019/TL.ST-HNGĐ, ngày 02 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXX-ST ngày 28 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều Y (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Tân L, xã Tân T, huyện Tân H, tỉnh Kiên G

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn T (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 2B, thị trấn Bảy N, huyện C, tỉnh Hậu G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều Y trình bày:

Vào năm 2009, bà được cha mẹ hai gia đình tác hợp, có tiến tới hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã Tân T, huyện Tân H, tỉnh Kiên Gngày 18/01/2011. Đến năm 2016 đôi bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chồng thường xuyên nhậu nhẹt về đến nhà thì có lời qua tiếng lại, cải nhau do bất đồng quan niệm sống, không hợp ý, nhiều lần vợ chồng nghiêm túc giải quyết những mâu thuẫn trên để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng hôn nhân vẫn không hạnh phúc, cuộc sống không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được từ đó chồng bà bỏ nhà ra đi đến nay. Do đó bà Y nộp đơn xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 đứa con chung là cháu Huỳnh Thị Mỹ X (nữ) sinh ngày 21/08/2010, và cháu Huỳnh Công N(nam) sinh ngày 08/8/2011 sau khi ly hôn bà có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Xuyên, không yêu cầu cấp dưỡng, còn cháu Nâng hiện đang ở với ông T nên bà đồng ý để ông T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nâng.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Ông Huỳnh Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không trình bày ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, ông T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn. Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Kiều Y và ông Huỳnh Văn T được ly hôn; Về con chung: Có 02 đứa con chung là cháu Huỳnh Thị Mỹ X (nữ) sinh ngày 21/08/2010, cháu Huỳnh Công N (nam) sinh ngày 08/8/2011 sau khi ly hôn bà có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Xuyên, không yêu cầu cấp dưỡng, còn cháu Nâng hiện đang ở với ông T nên đồng ý để ông T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nâng; Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Giữa bà Y và ông T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống, giữa bà và ông T phát sinh mâu thuẫn nên bà Y nộp đơn yêu cầu ly hôn. Xét đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, ông T đã được triệu tập hợp lệ, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông T.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án: Giữa bà Y và ông T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009 có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn vào 18/01/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Tân T, Tân H, Kiên G nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn như chồng bà hay uống rượu, vợ chồng thường xuyên cải nhau dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung nên hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được từ đó bà Y và ông T đã ly thân nhau khoảng tháng 3/2016 đến nay. Bà đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình nghĩa vợ chồng nhưng không được. Do đó, bà Y nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông T vắng mặt không lý do. Từ đó cho thấy ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm gia đình với bà Y.

Từ những chứng cứ nêu trên cho thấy, mâu thuẫn giữa bà Y và ông T là trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Y.

[4] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con chung của bà Y, Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Huỳnh Thị Mỹ X từ nhỏ đã sống chung với bà Y, sau khi vợ chồng ly thân thì cháu Xuyên do bà Y trực tiếp nuôi dưỡng, được chăm sóc chu đáo, được học hành đầy đủ và theo nguyện vọng của cháu muốn sống chung với mẹ.

Vì vậy, nhằm đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cũng như ổn định chỗ ở cho cháu Xuyên nên tiếp tục giao cháu X cho bà Y tiếp tục nuôi dưỡng, bà Y không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Còn cháu Nâng hiện đang sống chung với ông T, bà Y cũng đồng ý cho cháu nâng cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng nên để bảo đảm sự ổn định về mọi mặt cho cháu, tiếp tục giao cháu N cho ông T nuôi dưỡng.

Ông T và bà Y có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà Y xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[6] Từ những tình tiết, chứng cứ nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà Y phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều Y được ly hôn với ông Huỳnh Văn T.

Về con chung: Giao cháu Huỳnh Thị Mỹ X (nữ) sinh ngày 21/08/2010 cho bà Y tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Huỳnh Công N (nam) sinh ngày 08/8/2011 cho ông T nuôi dưỡng, ông T, bà Y có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Về quyền cấp dưỡng bà Y ông T chưa yêu cầu nên chưa xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Y phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0018639 ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí dân sự sơ thẩm (bà Y đã nộp xong).

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CC THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Tân Thành
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Kỉnh